

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Saigon Ground Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SAGS
- Logo :



- Vốn điều lệ đăng ký : 239.959.520.000 đồng
- **Vốn điều lệ thực góp: 239.959.520.000 đồng**
- Trụ sở chính : 58 Trường Sơn, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Địa chỉ giao dịch: Số 02 Sông Đáy, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- Điện thoại : (08) 354749999 Fax: (08) 35470999
- Website : www.sags.vn
- Người đại diện theo Pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Đình Hùng
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu: SGN
- Giấy CNDKKD: 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 06/01/2014, cấp thay đổi lần thứ năm vào ngày 27 tháng 07 năm 2017.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 3005/QĐ-CHK ngày 30/12/2004 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, chuyển đổi từ Trung tâm dịch vụ Hàng không thành Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, một đơn vị thành viên thuộc Cụm Cảng Hàng không miền Nam. Chức năng chính của Công ty là cung cấp các loại hình dịch vụ phục vụ mặt đất theo tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải Hàng không quốc tế (IATA) và của các hãng Hàng không.
- Năm 2008, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ nhất; Cụm Cảng Hàng không miền Nam chuyển đổi từ đơn vị quản lý nhà nước sang mô hình Tổng công ty nhà nước, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn được thành lập lại theo Quyết định số 002/QĐ-TCTCHKMN ngày 16/5/2008 của Tổng Giám đốc



Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Tổng công ty.

- Năm 2010, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ hai, Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 55/QĐ-TCTCHKMN ngày 15/09/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam.
- Năm 2012, thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải; Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Tổng công ty Cảng Hàng không miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam được thành lập lại theo Quyết định số 138/QĐ-HĐTV, ngày 24/04/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam; chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và toàn diện của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
- Năm 2013, Quyết định số 530/QĐ-HĐTV ngày 30/10/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, quyết định chuyển Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Ngày 06/01/2014, Công ty TNHH một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 30/10/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.
- Ngày 22/12/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4851/QĐ-BGTVT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.
- Ngày 31/12/2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015 với tên gọi: Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của Cảng Hàng không, sân bay;

STT	Ngành nghề kinh doanh
2	Cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị Hàng không và trang thiết bị kỹ thuật khác;
3	Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
4	Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa, dịch vụ thương mại;
5	Dịch vụ đại lý cho các hãng Hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành Hàng không;
6	Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ máy bay tại các cảng Hàng không, sân bay và các dịch vụ Hàng không;

Sản phẩm, dịch vụ chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm 02 mảng chính: Dịch vụ Hàng không và dịch vụ phi Hàng không.

• Dịch vụ Hàng không:

- Dịch vụ thủ tục Hàng không: Gồm các loại hình phục vụ hành khách tại nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất:

- ✓ Dịch vụ thủ tục Hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp.
- ✓ Dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay
- ✓ Dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành.

- Dịch vụ hành lý:

- ✓ Dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp.
- ✓ Dịch vụ hành lý thất lạc.

- Dịch vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay: Gồm dịch vụ tại khu vực sân đỗ máy bay Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất.

- ✓ Dịch vụ bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa bằng trang thiết bị chuyên dùng.
- ✓ Dịch vụ điều phối chuyển bay.
- ✓ Dịch vụ cân bằng trọng tải chuyển bay.
- ✓ Dịch vụ hướng dẫn chất xếp chuyển bay.
- ✓ Dịch vụ chuyên chở hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga.

• Dịch vụ phi Hàng không:

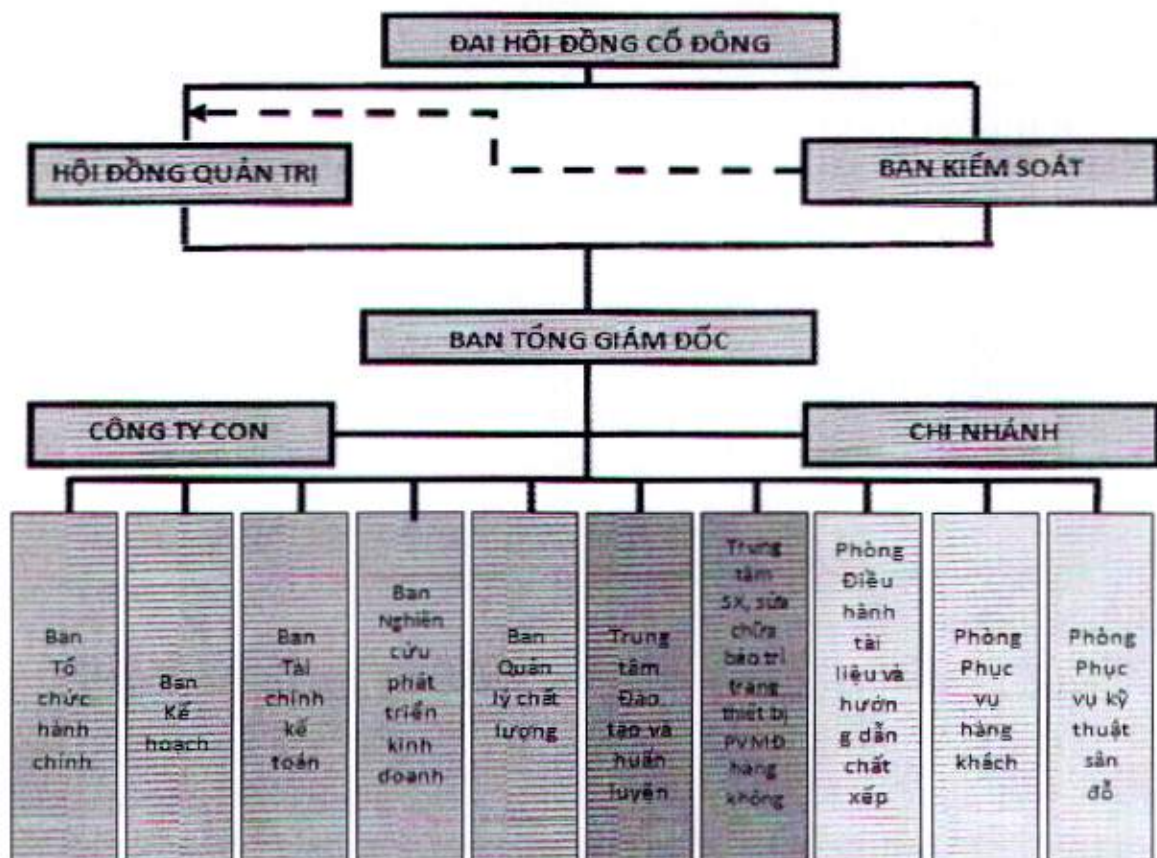
- ✓ Dịch vụ huấn luyện, đào tạo chuyên ngành.

- ✓ Dịch vụ phục vụ khách VIP, F, C
- ✓ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị chuyên ngành.
- ✓ Dịch vụ công nghệ thông tin chuyên ngành.
- ✓ Dịch vụ phi Hàng không khác.

Địa bàn kinh doanh: Văn phòng Công ty tại Cảng Hàng Không Quốc tế Tân Sơn Nhất; Chi nhánh tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng; công ty con tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

**SƠ ĐỒ 1: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN**



Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 5 thành viên:

Bảng 1: Danh sách Hội đồng quản trị

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (*)

(*) Có đơn từ nhiệm ngày 21/12/2017.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 3 thành viên:

Bảng 2: Danh sách Ban Kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Phạm Phương Linh	Thành viên Ban Kiểm soát (**)

(**) Đã có đơn từ nhiệm từ ngày 21/12/2017 và đang chờ phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 4 thành viên:

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Các phòng ban, đơn vị sản xuất

Các phòng, ban đơn vị sản xuất thực hiện chức năng tham mưu, quản lý và trực tiếp sản xuất theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Các phòng ban, đơn vị sản xuất được chia thành 02 khối: Khối phòng ban chức năng và Khối sản xuất trực tiếp.

Khối phòng ban chức năng gồm:

- ✓ Ban tổ chức hành chính.
- ✓ Ban kế hoạch.
- ✓ Ban tài chính kế toán.
- ✓ Ban quản lý chất lượng.
- ✓ Ban nghiên cứu phát triển kinh doanh.
- ✓ Trung tâm đào tạo và huấn luyện.

Khối sản xuất gồm:

- ✓ Phòng điều hành, tài liệu và hướng dẫn chất xếp

- ✓ Phòng phục vụ khách hàng.
- ✓ Phòng phục vụ kỹ thuật sân đỗ.
- ✓ Trung tâm sửa chữa, sản xuất, bảo trì trang thiết bị

Chi nhánh Công ty

Tên chi nhánh: Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tên Công ty con: Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh

Địa chỉ: Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

5. Định hướng phát triển

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất chất lượng cao cả về chiều rộng và chiều sâu; phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng khách hàng và yêu cầu phát triển của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyển dụng đúng người đúng việc, huấn luyện, đào tạo chuyên sâu, đầu tư trang thiết bị phục vụ mặt đất hiện đại và không ngừng hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn tích hợp.

- Liên kết khai thác và không ngừng trau dồi, học tập kinh nghiệm và hoàn thiện các nguồn lực của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển bền vững; từng bước xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp và nhân văn; tập trung chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học tập, lao động, cống hiến và phát triển.

- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh và đi đầu trong ngành về tiềm năng và uy tín trong kinh doanh; kinh doanh hiệu quả, an toàn; hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung của ngành Hàng không, xã hội và đất nước.

6. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn cũng chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế vĩ mô.

Hiện nay, Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất đang đối mặt tình trạng tắc nghẽn cả trên trời, khu vực bay, bãi đỗ máy bay. Nhằm giải tỏa cho sân bay, Bộ GTVT đã có quyết định điều chỉnh quy hoạch tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất trong thời gian tới, bên cạnh vị trí đỗ hàng không dân dụng như hiện nay sẽ có thêm vị trí của hàng không lưỡng dụng quân sự. Việc sắp xếp lại sẽ ảnh hưởng một phần đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, việc thông qua kế hoạch xây dựng Sân bay Quốc tế Long Thành của Quốc hội sẽ là tín hiệu mới giúp Công ty có thể mở rộng địa bàn kinh doanh trong các năm tới.

❖ **Lãi suất**

Trong 2 năm trở lại đây, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã không sử dụng nguồn vay từ các ngân hàng, do đó rủi ro lãi suất Doanh nghiệp phải đối mặt hiện nay là không có. Tuy nhiên, trong tương lai khi yêu cầu về mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh được đặt ra và khi Công ty bắt đầu sử dụng vốn vay thì rủi ro lãi suất cũng là một trong những yếu tố mà doanh nghiệp phải đối mặt.

❖ **Tỷ giá**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn có rất nhiều đối tác là các hãng hàng không nước ngoài, do vậy rủi ro tỷ giá luôn là một thách thức đối với hoạt động của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh tỷ giá có nhiều biến động như hiện nay.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ Luật Doanh nghiệp Luật Chứng khoán và các văn bản Pháp luật chuyên ngành. Hiện nay, các luật này cũng như các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động của công ty liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng không. Do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và ngoại giao của Việt Nam với các nước trên thế giới.

❖ **Tình hình cạnh tranh trong ngành**

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS), chuyên cung cấp dịch vụ mặt đất sân bay tại 3 sân bay lớn: Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Hà Nội, được thành lập đã làm tăng mức độ cạnh tranh với Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại khu vực Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh.

Đồng thời VIAGS cùng với Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh (CIAS) góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS) tại

Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh tại Khánh Hòa.

Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có thể xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, bệnh dịch....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

a. Sản lượng

Tổng số lượt chuyến bay Công ty phục vụ trong năm 2017: 133.591 lượt chuyến. Trong đó quốc nội 73.444 lượt chuyến (đạt 73% kế hoạch), sản lượng quốc tế 60.147 lượt chuyến (vượt kế hoạch 43%).

b. Doanh thu

Mặc dù sản lượng chỉ đạt 94% kế hoạch nhưng do sản lượng quốc tế vượt kế hoạch 43% do đó, Doanh thu năm 2017 đạt 1110,6 tỷ đồng tăng khoảng 104,6 tỷ đồng tăng 10% so kế hoạch doanh thu năm 2017.

c. Kết quả kinh doanh (Đvt: triệu đồng)

	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Vượt kế hoạch	% vượt kế hoạch
Doanh thu	1.110.604	1.006.000	104.604	10%
Chi phí	822.327	737.180	85.147	12%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về Công ty	208.326	195.000	13.326	7%

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như đã nêu trên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Hội đồng quản trị giao, vượt kế hoạch doanh thu 10%, vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 7%.

Các yếu tố góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch được giao:

- Công ty đã tích cực tìm kiếm khách hàng và đã ký hợp đồng phục vụ mặt đất trọn gói cho nhiều hãng hàng không mới. Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo và sửa chữa trang thiết bị cho các cảng hàng không địa phương.

- Hãng hàng không Vietjet Air đưa thêm máy bay mở rộng đường bay quốc tế góp phần làm tăng tần suất và doanh thu phục vụ quốc tế của Công ty.

Các thành tích đạt được trong năm:

Tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Công ty đang cung cấp dịch vụ mặt đất trọn gói cho khoảng 55% tổng số hãng hàng không đang khai thác thương mại thường

lệ. Riêng trong năm 2017, Công ty đã tích cực tìm kiếm khách hàng và đã ký hợp đồng phục vụ mặt đất trọn gói cho 06 hãng hàng không mới.

Tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Công ty đã ký hợp đồng trọn gói thêm 02 hãng hàng không mới.

Tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Công ty con của Công ty đang phục vụ cho hơn 10 hãng hàng không trong nước và quốc tế.

Năm 2017, Công ty tiếp tục vận hành và không ngừng cải tiến hệ thống đánh giá an toàn chuyên ngành phục vụ mặt đất (ISAGO) tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất.

Tại Cảng HKQT Cam Ranh, Hiệp hội Không tải quốc tế (IATA) đã tổ chức đánh giá và cấp chứng nhận hệ thống đánh giá an toàn chuyên ngành phục vụ mặt đất (ISAGO) theo phiên bản mới nhất cho SAGS CXR trong năm 2017.

Ngoài ra, Công ty đã hoàn tất chuyển đổi và áp dụng thành công phiên bản mới nhất của hệ thống quản trị chất lượng ISO9001:2015 tại cả 03 sân bay (Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Cam Ranh) và đã được tổ chức đánh giá chứng nhận DNV-GL đánh giá và cấp chứng nhận trong năm 2017.

Trong năm 2017, Công ty nhận được 148 thư khen từ các hãng hàng không và hành khách.

2. Tổ chức và nhân sự

Bảng 4: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

1. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022075555, ngày cấp 13/06/2013, tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 179/34 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Địa chỉ hiện tại: 179/34 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/1979 đến 12/1989:	Nhân viên sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 01/1990 đến 05/1994:	Đội phó đội Thương vụ sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 06/1994 đến 12/1999:	Đội trưởng đội Phục vụ Hành khách Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2000 đến 12/2000:	Trưởng Trung tâm Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2001 đến 01/2005:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2005 đến 11/2013:	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS).
Từ 11/2013 đến 12/2014:	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2015 đến nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh

- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam (SAAM)

- Số cổ phần nắm giữ: 6.828.303 cổ phần, chiếm 28,45% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 108.752 cổ phần, chiếm 0,45% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam:

6.719.551 phần, chiếm 28% vốn điều lệ.

- Các cam kết nắm giữ:

+ 3.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 6 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2020.

+ 65.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

1. Mỗi quan hệ: Con ruột

Tên cá nhân: Nguyễn Thị Thanh Vy

Nắm giữ: 5.040 CP, chiếm 0,021% vốn điều lệ.

2. Mỗi quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

Tên tổ chức: Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP

Nắm giữ: 11.520.037 CP, chiếm 48% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. NGUYỄN VĂN MỸ- Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1963

- Nơi sinh: Đà Lạt

- Số CMND: 023452628, ngày cấp: 12/01/2011, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Nghi Diên, Nghi Lộc, Nghệ An

- Địa chỉ thường trú: 65 đường 05, phường Phước Bình, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

- Địa chỉ hiện tại: 65 đường 05, phường Phước Bình, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 10/1993 đến	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn

tháng 12/1996:	Nhất.
Từ tháng 01/1997 đến tháng 04/2005:	Đội trưởng – Chuyên viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 05/2005 đến tháng 10/2008:	Trưởng phòng Phục vụ kỹ thuật sân cỏ, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014:	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 43.440 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 43.440 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ:

+ 4.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 8 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2022.

+ 25.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. HỨA KIẾN TRUNG - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1979

- Nơi sinh: TP. HCM

- Số CCCD: 079079002157, ngày cấp: 12/08/2016, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Việt gốc Hoa

- Quê quán: Phúc Kiến, Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: TK 40/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: TK 40/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 04/2001 đến tháng 12/2004:	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 02/2005 đến tháng 08/2006:	Nhân viên Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 đến tháng 10/2008:	Phó phòng, Phòng Kế hoạch - Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014:	Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu phát triển & Quản lý chất lượng, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 42.264 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 42.264 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:
 - + 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 10 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2024.
 - + 25.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. LÊ THỊ HOÀNG OANH - Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1976
- Nơi sinh: Đà Lạt
- Số CMND: 024940623, ngày cấp: 17/04/2008, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 406/57 Cộng Hoà, phường 13, Q Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: Khu đô thị Sala, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 07/1998 đến 09/2004	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 10/2004 đến 03/2005:	Kíp trưởng Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 04/2005 đến tháng 10/2008:	Tổ trưởng tổ Đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014:	Trưởng Trung tâm đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 45.960 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 45.960 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ:

+ 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 10 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2024.

+ 25.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Mối quan hệ: em ruột

Tên cá nhân: Lê Minh Hưng

Số cổ phần nắm giữ: 4.536 CP, chiếm 0,0189% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

5. PHÙNG DANH NGUYỄN - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 13/07/1978

- Nơi sinh: Quảng Trị

- Số CMND: 025110417

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị

- Địa chỉ thường trú: 1247/33/2 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh

- Địa chỉ hiện tại: P12A.03 C/c Samland Airport, 86 Nguyễn Hồng, P.1, Q.Gò Vấp, HCM

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999

- Trình độ văn hóa: Đại học

- Trình độ chuyên môn: Đại học

- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 04/2001 – tháng 07/2005:	Chuyên viên kế toán tại Xí nghiệp thương mại mặt đất, Tân Sơn Nhất.

Từ tháng 08/2005 – tháng 08/2006:	Nhân viên phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 – tháng 11/2011:	Phó phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 12/2011 – tháng 12/2014:	Kế toán trưởng Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 tới nay:	Kế toán trưởng CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế Toán trưởng CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 21.120 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 21.120 cổ phần chiếm 0,09% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Các cam kết nắm giữ: 16.100 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Mối quan hệ: chị ruột

Tên cá nhân: Phùng Thị Thanh Huyền, nắm giữ: 1.152 CP, chiếm 0,005% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm: 1.369 nhân viên

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

o Đầu tư trang thiết bị

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện triển khai kế hoạch đầu tư phát triển cụ thể như sau:

+ Các dự án chuyển tiếp: Thực hiện hoàn thiện và nghiệm thu 08 dự án của năm 2016 chuyển tiếp 2017:

- Dự án 04 xe bus chở khách trong sân đậu
- Dự án 02 xe cấp khí lạnh 65Ton
- Dự án 02 xe nâng hạ container 7 tấn
- Dự án 01 xe kéo đẩy máy bay trung

- Dự án 02 xe cấp điện 90KVA
- Dự án 04 xe thang tự hành nhỏ
- Dự án 02 đầu cần đẩy máy bay B737-800/900
- Dự án Hệ thống bảo mật (khắc phục sự cố IT – giai đoạn I)

+ Các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển 2017: Công ty đã thực hiện 15 dự án và 3 hạng mục đầu tư tài sản nhỏ lẻ theo kế hoạch với Tổng giá trị thực hiện/Tổng mức đầu tư được duyệt là 60.676.893.000 đồng / 62.495.282.000 đồng, chủ yếu các dự án đầu tư trang thiết bị cho đầu Sài Gòn và Chi nhánh Đà Nẵng và đầu tư cho thuê. Trong đó:

Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng (15 dự án và 3 hạng mục đầu tư tài sản) bao gồm:

- Dự án 01 xe kéo đẩy máy bay nhỏ
- Dự án 02 xe kéo đẩy máy bay không dung cần (nhỏ)
- Dự án 10 xe đầu kéo hàng hóa hành lý 2 tấn
- Dự án 02 xe nâng hạ container 7 tấn
- Dự án 03 xe thang lớn
- Dự án 01 xe cấp khí lạnh 65 ton
- Dự án 01 cần đẩy & đầu cần đẩy máy bay
- Dự án 15 Trolley
- Dự án 01 xe tải 1.4 tấn
- Dự án 01 xe bán tải
- Dự án 01 xe ô tô 7 chỗ
- Dự án 01 xe ô tô 16 chỗ
- Đầu tư 01 xe 29 chỗ cho SGN
- Đầu tư 01 xe 29 chỗ cho DAD
- Đầu tư hệ thống bảo mật CNTT giai đoạn II
- Đầu tư thiết bị nhỏ lẻ (máy thử tải, bộ kiểm tra lỗi động cơ, Máy phân tích khí thải động cơ...)

Hiệu quả đạt được: Trong năm 2017, Công ty đã cơ bản hoàn thành công tác đầu tư trang thiết bị và đưa vào sử dụng trong năm, đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD của công ty. Các dự án này đều thực hiện bằng vốn tự có của Công ty.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Năm 2017	Năm 2016	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản	698.091	540.226	29%
Doanh thu thuần	1.110.277	876.565	27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	287.965	217.735	32%
Lợi nhuận khác	311	242	29%
Lợi nhuận trước thuế	288.277	217.977	32%
Lợi nhuận sau thuế	208.326	174.204	20%
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	30%	18%	67%
Tỷ lệ trả cổ tức thực hiện bằng tiền	50%	15%	233%
Tỷ lệ trả cổ tức thực hiện bằng cổ phiếu	-	35%	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng / giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,00	1,78	1%
Hệ số thanh toán nhanh	1,97	1,75	13%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,29	0,35	-17%
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,41	0,53	-23%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	131	88	49%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,59	1,62	-2%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,2	0,2	-6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,49	-14%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,30	0,32	-6%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,26	0,25	4%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 23.995.952 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 23.966.152 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 29.800 cổ phần (tính đến 31/12/2017)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 3.373.879 cổ phiếu. Trong đó:

* Tổ chức Công đoàn: 140.000 cổ phần, không được chuyển nhượng trong suốt thời gian hoạt động của Công ty. (theo Điểm c, Khoản 2, Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

* Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược: 2.705.000 cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng 05 năm (từ 31/12/2014 đến 31/12/2019).

* Cổ phần Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: 299.500 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

* Cổ phần Người lao động mua theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2016: 229.379 cổ phần. Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành

b) Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/03/2018

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số CP sở hữu	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	3	18.179.490	181.794.900.000	75,76%
2	Cổ đông nhỏ	515	5.786.662	57.866.620.000	24,12%
3	Cổ phiếu Quỹ	1	29.800	298.000.000	0,12%
	Tổng cộng	519	23.995.952	239.959.520.000	100%
4	Cổ đông trong nước	491	22.003.512	220.035.120.000	91,7%
5	Cổ đông nước ngoài	27	1.962.640	19.626.400.000	8,18%
6	Cổ phiếu Quỹ	1	29.800	298.000.000	0,12%
	Tổng cộng	519	23.995.952	239.959.520.000	100%
7	Cổ đông tổ chức	19	22.172.533	221.725.330.000	92,401%
8	Cổ đông cá nhân	499	1.793.619	17.936.190.000	7,475%
9	Cổ phiếu Quỹ	1	29.800	298.000.000	0,124%
	Tổng cộng	519	23.995.952	239.959.520.000	100%

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 29.800 cổ phiếu

- Thời điểm thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu cam kết của nhân viên nghỉ việc trong năm 2015 số lượng 2.000 cổ phiếu, năm 2016, số lượng 7.500 cổ phiếu, năm 2017: 20.300 cổ phiếu
- Giá thu hồi cổ phiếu của CBNV mua theo cam kết khi cổ phần hóa: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá thu hồi cổ phiếu của CBNV mua theo chương trình ESOP 2016: 30.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng giao dịch: Cổ đông là các cán bộ nhân viên của Công ty do nghỉ việc trước thời hạn cam kết khi thực hiện cổ phần hóa Công ty và các cổ đông là cán bộ nhân viên do nghỉ việc trước thời hạn cam kết khi mua theo chương trình ESOP năm 2016.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2017 là năm thứ ba Công ty hoạt động độc lập dưới hình thức công ty cổ phần sau quá trình cổ phần hóa và tiếp tục gặp nhiều thách thức đòi hỏi Ban Tổng giám đốc điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên nỗ lực hơn để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn cộng với việc tái cấu trúc, thay đổi chiến lược kinh doanh của các hãng hàng không đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: hãng hàng không United Airlines (Mỹ) ngưng khai thác, hãng All Nippon Airways (Nhật Bản) thay đổi đơn vị cung ứng dịch vụ sau khi trở thành đối tác chiến lược của Vietnam Airlines, ...

- Tuy nhiên, hoạt động vận tải hàng không của hãng hàng không quốc tế trong năm 2017 ghi nhận nhiều tín hiệu khởi sắc. Bên cạnh việc Công ty nỗ lực tìm kiếm khách hàng để có thêm một số hãng mới thì một số hãng hàng không hiện có của Công ty khai thác lại góp phần nâng cao sản lượng khai thác quốc tế.

- Chi nhánh của Công ty tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng đã dần dần đi vào hoạt động ổn định. Công ty con của Công ty tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh dù là năm đầu tiên đi vào hoạt động độc lập nhưng đã có nhiều dấu hiệu tích cực. Đây là những bước đánh dấu sự lớn mạnh, vươn ra các thị trường trọng điểm tiềm năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với nỗ lực cao, Công ty đã thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, cụ thể:

- Doanh thu: đạt 1110,6 tỷ đồng vượt 10% KH năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 208,32 tỷ đồng vượt 7%/KH năm
- Nộp ngân sách nhà nước: 79,9 tỷ đồng trong đó 54,8 tỷ đồng là thuế TNDN.

Các giải thưởng đạt được:

Trong năm 2017, Công ty nhận được 148 thư khen từ các hãng hàng không và hành khách.

Hoạt động cộng đồng

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, vận động người lao động tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, hướng ứng thực hiện các phong trào do Công đoàn Tổng công ty phát động, như: "Đền ơn

đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", "Xây dựng mái ấm Công đoàn", "Quỹ Phụ nữ Công đoàn"; tổ chức thăm hỏi, tặng quà đối tượng chính sách xã hội nhân dịp tết nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, Tham gia đóng góp xây dựng 01 nhà nội trú cho học sinh nghèo tại Trường PTDTBT thuộc xã Lao Xã Phình – huyện Tủa Chùa – tỉnh Điện Biên. (Thư kêu gọi hỗ trợ số 32/CV-THLXP ngày 25/9/2017 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu học Lao Xã Phình về việc kêu gọi hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở nội trú học sinh) số tiền là 100 triệu. Hỗ trợ xây dựng cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại xã Hồng Điện – Quảng Nam, có hoàn cảnh khó khăn, gia đình neo đơn (Thư kêu gọi số 78/TTr- UBND của UBND xã Điện Hồng) số tiền là 70 triệu, Hỗ trợ mổ tim cho 04 trường hợp tại Bệnh viện Nhi đồng I số tiền là 70 triệu, ủng hộ quỹ từ thiện ACV số tiền 150 triệu và tặng quà cho thân nhân CB-CNV-NLĐ bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ... Tổng số tiền tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2017 là : 600 triệu đồng.

2. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản

Tài sản ngắn hạn: 382,572 tỷ đồng (chiếm 55% tổng tài sản)

Tài sản dài hạn: 315,519 tỷ đồng (chiếm 45% tổng tài sản)

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả: 203,891 tỷ đồng (chiếm 29% tổng nguồn vốn)

Vốn chủ sở hữu: 494,200 tỷ đồng (chiếm 71% tổng nguồn vốn)

Công ty không có nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng lớn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Năm 2017, Công ty tiếp tục vận hành và không ngừng cải tiến hệ thống đánh giá an toàn chuyên ngành phục vụ mặt đất (ISAGO) tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất.

Tại Cảng HKQT Cam Ranh, Hiệp hội Không tải quốc tế (IATA) đã tổ chức đánh giá và cấp chứng nhận hệ thống đánh giá an toàn chuyên ngành phục vụ mặt đất (ISAGO) theo phiên bản mới nhất cho SAGS - CXR trong năm 2017.

Ngoài ra, Công ty đã hoàn tất chuyển đổi và áp dụng thành công phiên bản mới nhất của hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2015 tại cả 03 sân bay (Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Cam Ranh) và đã được tổ chức đánh giá chứng nhận DNV-GI. đánh giá và cấp chứng nhận trong năm 2017.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Công ty tiếp tục bám sát chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do ĐIIDCD giao để cố gắng và nỗ lực hoàn thành mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó Công ty sẽ linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình. Mở rộng phát triển quy mô Công ty kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.]

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Thông qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã đề ra. Tổng Giám đốc đã thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. Hội đồng quản trị cùng với Tổng Giám đốc đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Ban Điều hành để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Các thành viên Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thông qua đó Hội đồng quản trị và Ban Điều hành có cơ hội trao đổi, bàn bạc thấu đáo và cởi mở về những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông. Các ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

- Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2017, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ và các quy định pháp lý hiện hành.

- Chỉ đạo việc thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Thông qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị hàng Quý, Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thành lập Công ty cổ phần phê duyệt. Tổng Giám đốc đã thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. Hội đồng quản trị cùng với Tổng Giám đốc đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2017, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ và các quy định pháp lý hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do ĐHDCTD giao.
- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình. Mở rộng phát triển quy mô Công ty kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.
- Đẩy mạnh rà soát hoàn thiện các Quy chế của Công ty.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các chức năng quản trị khác theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng 5: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên hội đồng quản trị điều hành
2	Ông Lưu Quang Lâm	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành có đơn từ nhiệm ngày 21/12/2017

NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc (Tham khảo tại Điều II khoản 1 mục d)

LUU QUANG LÂM - Phó chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/04/1959
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CMND: 025168368 cấp ngày 07/09/2014 tại CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Xã An Thịnh - Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại: 188 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đakao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0432002229
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 01/1981 đến 12/1987:	Phòng Vật tư – CNV Quốc phòng – Quân chủng Không quân.
Từ 01/1988 đến 06/2003:	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thiết bị Phụ tùng TP.Hồ Chí Minh
Từ 07/2003 đến 01/2017:	Trưởng phòng dự án Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại TP Hồ Chí Minh.
Từ 02/2007 đến 05/2007:	Phó giám đốc Công ty Tài Chính Dầu khí, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 06/2007 đến 12/2007:	Giám đốc Công ty Tài Chính Dầu khí, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 01/2008 đến 08/2008:	Giám đốc Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu khí VN - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 09/2008 đến 12/2008:	Trưởng Ban rà soát hoạt động đầu tư & tín dụng Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu khí Việt Nam -

	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 03/2010 đến nay:	<p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền Thông Bóng Đá Việt Nam.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT 38.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khai thác Cảng Biển An Thới</p>
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Khai thác Cảng.

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền Thông Bóng Đá Việt Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT 38

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khai thác Cảng Biển An Thới

- Số cổ phần nắm giữ: 3.086.694 cổ phần, chiếm 12,86% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

+ Đại diện CTCP Đầu tư Khai thác Cảng: 3.068.694 cổ phiếu, chiếm 12,79% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: 15.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Cảng

- Nắm giữ: 3.068.694 CP, chiếm 12,79% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN - Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1970
- Nơi sinh: Xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
- Số CMND: 023500853, ngày cấp 06/02/2012, nơi cấp: CA. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hòa Phú, Huyện Vàm Cỏ, Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: RR14 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
- Địa chỉ hiện tại: RR14 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Tháng 01/1995 – Tháng 10/2001	Chuyên viên giám định phòng KTGD 4, Chi nhánh Giám định Hàng hóa Xuất nhập khẩu TP.HCM (Vina Control HCM)
Tháng 11/2001 - Tháng 07/2003	Đi học tại Newzealand
Tháng 8/2003 – tháng 3/2005:	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Cụm Cảng Hàng không Miền Nam.
Tháng 3/2005 – tháng 8/2005:	Chuyên viên phòng tổ chức hành chánh, đào tạo và quản lý chất lượng – Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Tháng 8/2005 – tháng 5/2008:	Trưởng phòng tổ chức hành chánh, đào tạo và quản lý chất lượng – Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Tháng 5/2008 – tháng 04/2012:	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Tháng 04/2012 – hiện nay:	Phó trưởng Ban Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, Phó Bí thư Chi bộ Tổ chức cán bộ - Lao động tiền

	lương (nay là Ban Tổ chức nhân sự)
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Tổ chức nhân sự Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.
- Số cổ phần nắm giữ: 2.418.243 cổ phần, chiếm 10,08 % vốn điều lệ.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP: 2.400.243 cổ phần, chiếm 10 % vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: 15.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn
Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP
Nắm giữ: 11.520.037 CP chiếm 48% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

LÊ THỊ DIỆU THÚY – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1978
- Nơi sinh: TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
- Số CMND: 024597399, ngày cấp 18/07/2006, nơi cấp: CA.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 171 Hai Bà Trưng, phường 6, Quận 3, TPHCM.
- Địa chỉ hiện tại: 171 Hai Bà Trưng, phường 6, Quận 3, TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 01/2003 đến tháng 10/2007:	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Cụm Cảng Hàng không miền Nam.
Từ tháng 10/2007 đến tháng 08/2008:	Phó phòng khai thác ga Quốc tế Tân Sơn Nhất, Công ty Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Tổng công ty Cảng Hàng không miền Nam.
Từ tháng 08/2008 đến tháng 04/2012:	Phó trưởng Ban Quản lý cơ sở hạ tầng, Tổng Công Ty Cảng Hàng không Miền Nam.
Từ tháng 04/2012 đến tháng 06/2014:	Phó Giám đốc Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, kiêm Trưởng phòng tổ chức cán bộ, lao động và tiền lương – Chi nhánh cấp 1 của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ 06/2014 đến 03/2015:	Trưởng ban Kế hoạch - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ 04/2015- 03/2016:	Thành viên Hội đồng thành viên chuyên trách Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ 04/2016- nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam- CTCP.

Số cổ phần nắm giữ: 2.418.243 cổ phần, chiếm 10,08 % vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần, chiếm 0,08 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam- CTCP: 2.400.243 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ: 15.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng, 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
 Mọi quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn
 Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam- CTCP
 Nắm giữ: 11.520.037 CP chiếm 48% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 phiên họp nhằm đưa ra chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với thành phần tham dự cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
2	Ông Lưu Quang Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT	5/6	83%	Bận công tác
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	6/6	100%	

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	169a/QĐ- HĐQT	23/01/2017	Tạm giao Quỹ lương năm 2017
2	170a/NQ-HĐQT	07/02/2017	Điều chỉnh lương cho Ban Tổng Giám đốc điều hành

3	176/QĐ-HĐQT	03/03/2017	Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2016
4	176/QĐ-HĐQT	03/03/2017	Ban hành Quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
5	190a/NQ-HĐQT	31/03/2017	Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi
6	194/NQ-HĐQT	28/04/2017	Điều chỉnh kế hoạch chi trả cổ tức, thay đổi kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2017
7	196/NQ-HĐQT	04/05/2017	Mua lại cổ phần của cổ đông là cán bộ nhân viên nghỉ việc trước thời hạn cam kết làm cổ phiếu Quỹ (theo quy định Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần)
8	201/NQ-HĐQT	06/06/2017	Thành lập Ban kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh kế hoạch trả cổ tức năm 2016, kế hoạch tăng vốn năm 2017
9	202/NQ-HĐQT	07/06/2017	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016
10	207/QĐ-HĐQT	15/06/2017	Cử cán bộ tham quan, học hỏi kinh nghiệm phục vụ mặt đất tại một số sân bay Mỹ
11	212/NQ-HĐQT	22/06/2017	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2016
12	215/QĐ-HĐQT	22/06/2017	Cử cán bộ đi tham quan, du lịch
13	216/NQ-HĐQT	10/07/2017	Sửa đổi Quy chế quản trị chất lượng và rủi ro trong công tác vận hành
14	222/QĐ-HĐQT	18/07/2017	Ủy quyền đại diện Công ty
15	224/NQ-HĐQT	19/07/2017	Tăng vốn Điều lệ và sửa đổi Điều

			lệ Công ty (sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016)
16	226/QĐ-HĐQT	03/08/2017	Điều chuyển cán bộ
17	228/NQ-HĐQT	03/08/2017	Tạm ứng tiền thưởng đạt kế hoạch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017 cho HĐQT, BKS, BDH
18	230/NQ-HĐQT	30/08/2017	Tạm ứng cổ tức năm 2017
19	233/NQ-HĐQT	05/09/2017	Giải thể Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Cam Ranh
20	235/QĐ-HĐQT	13/09/2017	Thay đổi cơ cấu tổ chức khối gián tiếp tại trụ sở Công ty từ Phòng chuyển thành Ban
21	241/NQ-HĐQT	07/11/2017	Thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của SAGS tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
22	242/NQ-HĐQT	09/11/2017	Mua lại cổ phần của cổ đông là cán bộ nhân viên nghỉ việc trước thời hạn cam kết làm cổ phiếu Quỹ (theo quy định Nghị định 59/2011/ND-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần)
23	246/NQ-HĐQT	20/11/2017	Rút hồ sơ đăng ký niêm yết tại HOSE để chỉnh sửa và nộp bổ sung

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Bảng 6: Danh sách Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thủy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên (có đơn xin từ nhiệm từ ngày 21/12/2017 đang đợi ĐHĐCĐ thông qua)

TRẦN THỊ THỦY TRANG - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/07/1970
- Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022495662 ngày cấp: 20/2/2013, nơi cấp: CA.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 362/47 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Quận 3, Tp. HCM
- Địa chỉ hiện tại: 362/47 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế Toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 7/1993- tháng 3/1994:	Kế toán, Công ty Liên doanh ASC- Charwie
Từ tháng 3/1994- tháng 8/2008:	Kế toán, Xí nghiệp thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất
Từ tháng 9/2008 đến nay:	Kế toán - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ tháng 01/2015 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.000 CP chiếm 0,025% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
 - Mối quan hệ: Kế toán Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP
 - Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam- CTCP
 - Nắm giữ: 11.520.037 CP chiếm 48% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

PHẠM PHƯƠNG LINH - Thành viên Ban Kiểm soát (có đơn xin từ nhiệm ngày 21/12/2017 và đang đợi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt)

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1983
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 012363871, ngày cấp: 21/2/2001 tại CA.TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 74, C5, KTT Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại: phòng 14.12 lô M2 Chung cư Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 08 38242897
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 09/2005- tháng 03/2007:	Trợ lý ban giám đốc, Quản lý bán hàng Coca-Cola Việt Nam

Từ tháng 10/2008- tháng 03/2011:	Chuyên viên phân tích, phòng Phân tích và tư vấn đầu tư Công Ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
Từ tháng 10/2013- đến nay:	Chuyên viên đầu tư Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chuyên viên đầu tư, Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
- Số cổ phần nắm giữ: 3.600 CP chiếm 0,015% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: 3.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
 - Mối quan hệ: Chuyên viên đầu tư, Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
 - Tên tổ chức: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
 - Nắm giữ: 589.833 CP chiếm 2,46% vốn điều lệ
 - Mối quan hệ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là tổ chức quản lý đầu tư
 - Tên Tổ chức: ANDBANC INVESTMENTS SIF - VIETNAM VALUE AND INCOME PORTFOLIO
 - Nắm giữ: 1.148.680 CP chiếm tỷ lệ 4,79% vốn Điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1976
- Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022977029, ngày cấp: 15/2/2005 tại CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 29A/16 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
- Địa chỉ hiện tại: 29A/16 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 028 35471866
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngoại ngữ, Thạc sỹ quản trị Kinh Doanh- Thạc Sỹ tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 03/2000 đến tháng 05/2002:	Nhân viên hành chính, Công ty TOWA, Industry (Nhật Bản)
Từ tháng 06/2002- tháng 09/2002:	Quản lý nhân sự, Công ty liên doanh Sony Việt Nam
Từ tháng 05/2006- tháng 02/2007:	Trưởng phòng nghiệp vụ- Giám Đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp và phân tích tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Tp.HCM (HSC)
Từ tháng 03/2007- tháng 03/2008:	Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Tân Việt- chi nhánh TP.HCM (TVSI)
Từ tháng 04/2008- tháng 01/2011:	Tổng Giám Đốc, CTCP Chứng khoán Gia Quyền (EPS)
Từ tháng 02/2011- tháng 04/2012:	Phó Tổng Giám Đốc, CT CP Chứng khoán Phú Gia
Từ tháng 05/2012 – 04/2013	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ, CT CP Hàng không Vietjet
Từ tháng 05/2013- tháng 11/2014:	Tổng Giám đốc, CT Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam
Từ tháng 07/2013 – Hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
- Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet.
- Số cổ phần nắm giữ: 3.600 Cổ phần chiếm 0,015% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: 3.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
 - Mối quan hệ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet
 - Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
 - Nắm giữ: 944.212 CP chiếm 3,93% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

b1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Kiểm tra và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động tài chính của SAGS thông qua việc kiểm tra trực tiếp các hoạt động hồ sơ, chứng từ tại Công ty và các chi nhánh; rà soát gián tiếp thông qua các báo cáo hoạt động của ban điều hành Công ty.
- Kiểm tra, rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc ban hành.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, bán niên (đã được kiểm toán), báo cáo đánh giá công tác quản lý của Công ty.
- Kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị và tài sản.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các qui định, nghị quyết của HĐQT và việc chấp hành quy định của Ban lãnh đạo Công ty.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tham gia lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- Định kỳ hàng quý họp Ban Kiểm soát; Thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu, đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

b2. Đánh giá của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2017, qua đó đánh giá báo cáo đã phản ánh đầy đủ, trung thực các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2017 và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 phù hợp với Chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Đánh giá chung : Đơn vị tuân thủ cơ bản các quy định hiện hành; tình hình tài chính minh bạch; số liệu kế toán rõ ràng, kịp thời phục vụ công tác báo cáo, thống kê cho các cơ quan chức năng.

b3. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông với các kế hoạch nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước.
- Định kỳ hàng quý kiểm soát, giám sát hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc xây dựng định mức, biện pháp tiết kiệm chi phí Công ty;
- Kiểm tra, giám sát công tác xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị, công tác nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả tiền lương và thu nhập;
- Kiểm tra, giám sát việc ký kết và quản lý thực hiện các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2018 và báo cáo theo yêu cầu kết quả kiểm tra.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.
- Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị theo thông báo.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: 22.387.449.401 đồng

Thu nhập HĐQT và BKS: 5.111.125.891 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

b1. Giao dịch cổ phiếu

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đình Hùng	73.960	0,37%	108.752	0,45%	Mua, cổ tức 2016
2	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	950.800	4,75%	3.590.759	14,96%	Mua, cổ tức 2016
3	Phùng Danh Nguyên	25.100	0,126%	21.120	0,09%	Bán, cổ tức 2016
4	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	3.031.525	15,15%	589.833	2,46%	Bán, cổ tức 2016
5	ANDBANC INVESTMENTS SIF - VIETNAM VALUE AND INCOME PORTFOLIO	200.000	1%	1.148.680	4,79%	Mua, cổ tức 2016

- b2. Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty: không phát sinh
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (Tham khảo Phụ lục đính kèm)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty

 **CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Đình Hùng

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017).

Hoạt động theo giấy CNĐK DN của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch	
Ông Lưu Quang Lâm	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên	
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban	
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên	
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên	có đơn từ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2017 đang chờ chấp thuận của ĐHCĐ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hứa Kiên Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Danh Nguyễn	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61354721-19488753-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		382.572.697.635	319.949.134.786
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	170.008.044.784	127.817.498.015
111	1. Tiền		110.008.044.784	97.817.498.015
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		13.027.077.778	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	13.027.077.778	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		174.798.498.851	178.851.755.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	172.098.134.716	179.004.731.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.058.811.582	6.472.873.430
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.641.552.553	1.808.855.010
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	-	(8.434.703.966)
140	IV. Hàng tồn kho	8	5.396.668.471	5.599.217.570
141	1. Hàng tồn kho		5.396.668.471	5.599.217.570
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.342.407.751	7.680.663.348
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	712.207.128	300.975.192
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.444.923.888	7.379.648.710
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	185.276.735	39.446
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		315.519.149.634	220.276.898.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	20.600.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(20.600.000.000)
220	II. Tài sản cố định		306.868.581.571	218.355.624.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	306.868.581.571	218.355.624.676
222	Nguyên giá		527.856.677.011	375.792.538.694
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(220.988.095.440)	(157.436.914.018)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.489.250.910	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.489.250.910	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.161.317.153	1.921.273.499
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.870.028.023	731.488.165
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	22.3	1.291.289.130	1.189.785.334
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		698.091.847.269	540.226.032.961

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		203.891.794.578	188.131.544.311
310	I. Nợ ngắn hạn		191.091.344.258	179.761.790.011
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	49.824.484.836	51.985.724.024
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		424.615.394	199.961.608
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	13.901.071.006	11.290.421.854
314	4. Phải trả người lao động		109.621.228.399	107.692.376.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.735.303.460	1.857.654.306
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.617.116.240	2.514.496.097
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.967.524.923	4.221.155.618
330	II. Nợ dài hạn		12.800.450.320	8.369.754.300
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	12.800.450.320	8.369.754.300
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	494.200.052.691	352.094.488.651
410	I. Vốn chủ sở hữu		494.200.052.691	352.094.488.651
411	1. Vốn cổ phần		239.959.520.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		239.959.520.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.486.000.000	-
415	4. Cổ phiếu quỹ		(497.200.000)	(133.000.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		54.144.670.223	7.139.777.265
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		147.332.088.617	138.484.031.386
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.853.938.780	204.132.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		145.478.149.837	138.279.898.631
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37.171.293.851	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		698.091.847.269	540.226.032.961



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	1.105.949.893.875	876.564.991.314
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		722.000.383.378	597.302.927.903
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		383.949.510.497	279.262.063.411
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	4.327.579.459	5.953.465.471
22	5. Chi phí tài chính	18	1.138.265.763	1.109.824.675
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	99.173.401.727	66.370.185.669
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		287.965.422.466	217.735.518.538
31	8. Thu nhập khác	20	326.674.697	405.695.866
32	9. Chi phí khác	20	15.016.745	163.348.301
40	10. Lợi nhuận khác	20	311.657.952	242.347.565
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.277.080.418	217.977.866.103
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.2	58.070.560.928	44.463.311.984
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	(101.503.796)	(690.163.514)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		230.308.023.286	174.204.717.632
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		208.326.729.435	174.204.717.632
62	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	16.1	21.981.293.851	-
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	8.596	7.277
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	8.596	7.277



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.277.080.418	217.977.866.103
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	63.551.181.422	36.274.816.854
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(24.039.965)	(112.521.491)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(2.750.991.188)	(2.075.488.453)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		349.053.230.687	252.064.673.013
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		23.377.187.182	(63.674.580.861)
10	Giảm hàng tồn kho		202.549.099	2.248.491.584
11	Tăng các khoản phải trả		14.438.803.061	74.445.903.530
12	Tăng chi phí trả trước		(1.549.771.794)	(4.893.608)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78.801.875.309)	(41.208.970.683)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.275.101)	(10.722.149.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		303.484.847.825	213.148.473.974
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(157.553.389.227)	(146.155.036.070)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(166.754.225.344)	(20.000.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		123.727.147.566	20.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	190.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		2.162.229.176	2.238.182.882
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(198.418.237.829)	(143.726.853.188)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp		15.190.000.000	9.930.520.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(364.200.000)	(105.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(77.736.456.000)	(29.985.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(62.910.656.000)	(20.160.230.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Báo cáo tổng hợp - Thuyết minh số 2.5)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		42.155.953.996	49.261.390.786
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		127.817.498.015	78.370.065.494
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.592.773	186.041.735
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	170.008.044.784	127.817.498.015



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017).

Hoạt động theo giấy CNĐK DN của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.789 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.289).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có hai (2) chi nhánh và một công ty con, như sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23 tháng 3 năm 2016 và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11 tháng 4 năm 2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR"). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2016, thông qua quyết định góp vốn thành lập SAGS-CXR.

Ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo các Nghị định nêu trên. Ngày 5 tháng 9 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 233/NQ-HĐQT về việc giải thể chi nhánh Cam Ranh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Hoạt động theo giấy CNĐK DN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Thông tin so sánh

Công ty có công ty con vào ngày 1 tháng 1 năm 2017, do đó việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Số liệu bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và thuyết minh kèm theo được trình bày theo số liệu báo cáo tổng hợp của Công ty.

2.6 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng). Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và các chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, F,C, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, Hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm).

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất TGTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%, doanh thu đào tạo không chịu thuế...

Tại chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Cam Ranh và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở từng Chi nhánh và công ty con.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Cam Ranh (đơn vị hạch toán độc lập của Công ty) và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được nộp tại Cục thuế tỉnh Khánh Hòa.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	104.812.000	17.827.430
Tiền gửi ngân hàng	109.903.232.784	97.799.670.585
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>170.008.044.784</u>	<u>127.817.498.015</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% - 5,1%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0%/năm đến 6,5%/năm đối với tiền gửi bằng VND.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		VND
Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn các bên khác	172.098.134.716	179.004.731.379
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet</i>	63.514.242.145	81.961.783.667
<i>Air Asia Berhart</i>	10.849.228.148	4.636.028.030
<i>Qatar Airways</i>	9.619.222.183	13.562.875.511
<i>Asiana Airlines Inc</i>	8.906.973.856	3.011.348.271
<i>DHT Aviation</i>	8.383.340.156	5.940.120.257
<i>Jetstar Airways Pty Ltd</i>	6.829.532.689	-
<i>Emirates Airline</i>	5.169.187.556	2.534.874.076
<i>Jetstar Asia Airways Pte Ltd</i>	4.178.682.209	4.320.646.140
<i>Thai Air Asia</i>	4.144.926.351	3.003.393.866
<i>Malindo Air</i>	3.842.670.415	2.505.716.026
<i>Turkish Airlines</i>	3.524.822.280	3.563.744.040
<i>Công Ty TNHH TNT</i>	3.160.413.719	1.039.356.635
<i>T'way Air., Ltd</i>	3.033.501.037	893.037.366
<i>Vietsky Support Company Limited</i>	2.954.336.761	-
<i>Air Hongkong</i>	2.224.380.400	2.262.915.240
<i>Jin Air</i>	2.182.724.910	1.868.990.033
<i>Scoot Tiger Air Pte. Ltd</i>	1.971.783.938	3.750.201.770
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar</i>	1.818.481.555	5.176.197.837
<i>Pacific Airlines</i>		
<i>Air Busan</i>	1.480.692.864	1.019.531.385
<i>Nok Airlines Public Company Limited</i>	1.227.364.002	1.345.755.084
<i>Thai Lion Mentari Company Limited</i>	1.192.623.360	1.182.611.214
<i>Hong Kong Dragon Airlines Ltd</i>	753.671.246	847.078.072
<i>Hainan Airlines Holding Company Limited</i>	1.456.585.812	6.118.416.467
<i>Llc "Ikar" Airlines</i>	85.035.170	4.157.151.798
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông</i>	-	5.508.337.650
<i>Khác</i>	19.593.711.954	18.794.620.944
TỔNG CỘNG	172.098.134.716	179.004.731.379
Dự phòng phải thu khó đòi (<i>Thuyết minh số 26.2</i>)	-	(8.434.703.966)
GIÁ TRỊ THUẦN	172.098.134.716	170.570.027.413

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		VND
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại và Dịch Vụ Việt Sinh Phát	488.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention	283.113.600	-
Công ty Cổ phần Avintech	-	6.177.806.512
Khác	287.697.982	295.066.918
TỔNG CỘNG	1.058.811.582	6.472.873.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	1.641.552.553	1.808.855.010
Lãi dự thu	678.845.345	90.083.333
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	479.243.779	473.722.468
Ký cược, ký quỹ	356.000.000	225.600.000
Phải thu lại của nhân viên	77.499.549	860.188.855
Tạm ứng nhân viên	21.720.000	34.813.730
Các khoản khác	28.243.880	124.446.624
Dài hạn	-	20.600.000.000
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	20.600.000.000
TỔNG CỘNG	1.641.552.553	22.408.855.010
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 26.2)	-	(20.600.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.641.552.553	1.808.855.010

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	5.260.738.471	5.539.757.570
Công cụ, dụng cụ	135.930.000	59.460.000
TỔNG CỘNG	5.396.668.471	5.599.217.570

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	712.207.128	300.975.192
Phí cược Metrowan	270.375.748	153.127.204
Phần mềm ảo hóa sao lưu dữ liệu	242.107.500	-
Tiền thuê mặt bằng	126.482.194	-
Phần mềm mail server và license	62.722.494	32.661.069
Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	5.794.192	93.914.192
Khác	4.725.000	21.272.727
Dài hạn	1.870.028.023	731.488.165
Bản quyền phần mềm Kaspersky, công nghệ	996.433.769	84.269.911
Đường truyền cáp quang	364.465.584	554.621.544
Chi phí tần số vô tuyến điện	242.941.566	14.866.710
Chi phí sửa chữa	214.367.108	-
Dịch vụ hỗ trợ trọn gói 3 năm thiết bị cisco	51.819.996	77.730.000
TỔNG CỘNG	2.582.235.151	1.032.463.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	28.579.661.612	9.458.400.805	325.600.192.754	12.154.283.523	375.792.538.694
Mua mới trong năm	-	2.742.909.546	147.994.158.771	1.327.070.000	152.064.138.317
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>28.579.661.612</u>	<u>12.201.310.351</u>	<u>473.594.351.525</u>	<u>13.481.353.523</u>	<u>527.856.677.011</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.706.859.380)	(5.426.166.484)	(141.474.337.556)	(8.829.550.598)	(157.436.914.018)
Khấu hao trong năm	(1.153.687.986)	(1.769.119.488)	(58.928.808.271)	(1.699.565.677)	(63.551.181.422)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>(2.860.547.366)</u>	<u>(7.195.285.972)</u>	<u>(200.403.145.827)</u>	<u>(10.529.116.275)</u>	<u>(220.988.095.440)</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>26.872.802.232</u>	<u>4.032.234.321</u>	<u>184.125.855.198</u>	<u>3.324.732.925</u>	<u>218.355.624.676</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>25.719.114.246</u>	<u>5.006.024.379</u>	<u>273.191.205.698</u>	<u>2.952.237.248</u>	<u>306.868.581.571</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là nguyên giá của các trang thiết bị Nhóm Công ty đã mua trong tháng 12 năm 2017 đang chờ cấp phép sử dụng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.086.875.301	39.877.567.115
Phải trả cho các bên khác	14.737.609.535	12.108.156.909
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	2.316.202.241	-
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Hàng không Việt Nam	2.358.720.000	2.243.439.110
Công ty Cổ phần ô tô trường Hải - Chi Nhánh An Sương	1.122.360.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Sao Mai Em	518.389.992	-
Khác	8.421.937.302	9.864.717.799
TỔNG CỘNG	49.824.484.836	51.985.724.024

13. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại CN Cam Ranh	-	182.608.301	-	182.608.301
Thuế TNCN tại VP Hồ Chí Minh và CN Cam Ranh	-	2.628.988	-	2.628.988
Thuế GTGT tại VP Hồ Chí Minh	39.446	-	-	39.446
TỔNG CỘNG	39.446	185.237.289	-	185.276.735
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.115.773.233	58.070.560.928	(54.860.222.545)	12.326.111.615
Thuế TNDN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	5.909.254.426	46.592.046.344	(43.052.958.914)	9.448.341.856
Thuế TNDN tại CN Cam Ranh	3.206.518.807	744.825	(3.207.263.632)	-
Thuế TNDN tại công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	-	11.477.769.759	(8.600.000.000)	2.877.769.759
Thuế TNCN	2.139.550.542	24.443.777.741	(25.008.368.892)	1.574.959.391
Thuế GTGT	35.098.079	-	(35.098.079)	-
Thuế khác	-	8.982.293	(8.982.293)	-
TỔNG CỘNG	11.290.421.854	82.523.320.962	(79.912.671.809)	13.901.071.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí hội nghị	2.057.984.489	854.934.306
Bồi dưỡng độc hại	648.111.088	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	393.000.000	159.000.000
Chi phí sử dụng Sita	242.460.000	842.460.000
Chi phí sửa chữa bộ đàm	224.930.000	-
Chi phí dịch vụ kiểm toán	151.818.182	-
Khác	16.999.701	1.260.000
TỔNG CỘNG	<u>3.735.303.460</u>	<u>1.857.654.306</u>

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	3.617.116.240	2.514.496.097
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.623.963.593	1.147.299.847
Tiền vé và hoa hồng bán vé thu hộ	1.703.955.745	866.395.322
Khác	289.196.902	500.800.928
Dài hạn	12.800.450.320	8.369.754.300
Nhận ký cược, ký quỹ của các hãng hàng không	12.800.450.320	8.369.754.300
TỔNG CỘNG	<u>16.417.566.560</u>	<u>10.884.250.397</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	140.508.000.000	-	(28.000.000)	-	68.292.150.020	208.772.150.020
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	174.204.717.632	174.204.717.632
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.165.160.000	-	-	-	(56.165.160.000)	-
Tăng từ phát hành cổ phiếu	3.326.840.000	6.603.680.000	-	-	-	9.930.520.000
Trích quỹ đầu tư phát triển 2015	-	-	-	7.139.777.265	(7.139.777.265)	-
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi 2015	-	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	-	-	(1.914.069.001)	(1.914.069.001)
Tạm ứng tiền thưởng đạt kế hoạch 2016	-	-	-	-	(4.025.000.000)	(4.025.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành	-	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(29.985.750.000)	(29.985.750.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>200.000.000.000</u>	<u>6.603.680.000</u>	<u>(133.000.000)</u>	<u>7.139.777.265</u>	<u>138.484.031.386</u>	<u>352.094.488.651</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay								
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	-	138.484.031.386	-	352.094.488.651
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	15.190.000.000	15.190.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	208.326.729.435	21.981.293.851	230.308.023.286
Trả cổ tức 2016 bằng cổ phiếu (*)	39.959.520.000	-	-	-	-	(39.959.520.000)	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	9.486.000.000	(9.486.000.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(364.200.000)	-	-	-	-	(364.200.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017	-	-	-	47.004.892.958	-	(47.004.892.958)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017	-	-	-	-	-	(6.790.540.806)	-	(6.790.540.806)
Cổ tức còn lại năm 2016 (**)	-	-	-	-	-	(29.977.480.000)	-	(29.977.480.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2016	-	-	-	-	-	(12.897.658.840)	-	(12.897.658.840)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2017	-	-	-	-	-	(3.412.500.000)	-	(3.412.500.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017 (**)	-	-	-	-	-	(47.758.976.000)	-	(47.758.976.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017	-	-	-	-	-	(2.191.103.600)	-	(2.191.103.600)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>239.959.520.000</u>	<u>6.603.680.000</u>	<u>(497.200.000)</u>	<u>54.144.670.223</u>	<u>9.486.000.000</u>	<u>147.332.088.617</u>	<u>37.171.293.851</u>	<u>494.200.052.691</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành là 3.995.952 cổ phiếu tại mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất việc chi trả và phát hành cổ phiếu trên vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng lên thành 239.959.520.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 230/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2017, Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,01%	115.200.370.000	48,00%	96.000.310.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	14,96%	35.905.060.000	4,75%	9.500.800.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng	12,79%	30.686.940.000	12,79%	25.572.450.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	2,46%	5.898.330.000	15,16%	30.315.280.000
Khác	21,66%	51.970.820.000	19,26%	38.516.160.000
Cổ phiếu quỹ	0,12%	298.000.000	0,05%	95.000.000
TỔNG CỘNG		239.959.520.000		200.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	200.000.000.000	140.508.000.000
Tăng trong năm	39.959.520.000	59.492.000.000
Số cuối năm	<u>239.959.520.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền	77.728.676.000	29.985.750.000

16.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	23.995.952	20.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	29.800	9.500
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	23.966.152	19.990.500

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	208.326.729.435	174.204.717.632
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(38.094.619)	(112.521.491)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.191.103.600)	(1.914.069.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	206.097.531.216	172.178.127.141
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	23.977.936	23.659.143
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	8.596	7.277
Lãi suy giảm	8.596	7.277

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán năm để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 7 tháng 6 năm 2017.

(**) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ trước đã được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty phát sinh vào ngày 11 tháng 7 năm 2017.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ hàng không	1.082.912.352.858	853.885.872.652
<i>Phục vụ Mặt đất</i>	1.014.038.191.184	791.804.616.207
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	47.901.896.406	42.298.087.354
<i>Dịch vụ quây thủ tục</i>	16.625.906.400	12.882.538.930
<i>Dịch vụ xe chở khách</i>	4.346.358.868	6.900.630.161
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	23.037.541.017	22.679.118.662
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	7.248.926.330	5.974.746.058
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	3.216.438.887	2.331.265.828
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	2.690.240.380	2.430.085.364
<i>Dịch vụ giặt ủi</i>	2.540.328.392	2.136.178.869
<i>Dịch vụ VIP</i>	2.335.199.043	1.986.537.909
<i>Khác</i>	5.006.407.985	7.820.304.634
TỔNG CỘNG	1.105.949.893.875	876.564.991.314
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	9.241.259.712	6.907.364.327
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	1.096.708.634.163	869.657.626.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.750.991.188	2.075.488.453
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.538.493.652	3.765.455.527
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	38.094.619	112.521.491
TỔNG CỘNG	<u>4.327.579.459</u>	<u>5.953.465.471</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.124.211.109	1.109.824.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ CXR	14.054.654	-
TỔNG CỘNG	<u>1.138.265.763</u>	<u>1.109.824.675</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.114.831.183	2.304.602.227
Chi phí nhân viên	44.296.063.020	21.389.292.342
Chi phí khấu hao	1.302.431.607	883.680.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.479.453.310	28.381.949.792
Chi phí nhượng quyền khai thác	16.240.489.354	12.809.820.925
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(178.606.976)
Khác	1.740.133.253	779.446.984
TỔNG CỘNG	<u>99.173.401.727</u>	<u>66.370.185.669</u>

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	326.674.697	405.695.866
Phạt vi phạm hợp đồng	137.493.357	243.332.412
Khác	189.181.340	162.363.454
Chi phí khác	15.016.745	163.348.301
Tiền miễn thưởng theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	-	129.000.000
Khác	15.016.745	34.348.301
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	<u>311.657.952</u>	<u>242.347.565</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	27.995.921.736	23.607.548.067
Chi phí nhân viên	398.240.796.011	325.657.960.036
Chi phí khấu hao	63.551.181.422	36.274.816.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.405.263.329	264.722.127.682
Chi phí nhượng quyền khai thác	16.240.489.354	12.809.820.925
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(178.606.976)
Chi phí bằng tiền khác	1.740.133.253	779.446.984
TỔNG CỘNG	<u>821.173.785.105</u>	<u>663.673.113.572</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.070.560.928	44.463.311.984
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(101.503.796)	(690.163.514)
TỔNG CỘNG	<u>57.969.057.132</u>	<u>43.773.148.470</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>288.277.080.418</u>	<u>217.977.866.102</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	57.655.416.085	43.595.573.220
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	317.695.208	235.051.067
Liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.054.161)	(57.475.817)
Chi phí thuế TNDN	<u>57.969.057.132</u>	<u>43.773.148.470</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	288.277.080.418	217.977.866.102
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	57.655.416.085	43.595.573.220
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	317.695.208	235.051.067
Liên quan đến chi phí Sita	(120.000.000)	120.000.000
Liên quan đến chi phí hội nghị	(24.423.173)	436.020.071
Liên quan đến chi phí bồi dưỡng độc hại	129.622.217	-
Liên quan đến chi phí sửa chữa bộ đàm	44.986.000	-
Liên quan đến chi phí trích trước khác	71.318.753	-
Liên quan đến dự phòng cho Transero Airline	-	134.143.443
Liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.054.161)	(57.475.817)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.070.560.928	44.463.311.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trích trước chi phí Sita	48.492.000	168.492.000	(120.000.000)	120.000.000
Trích trước chi phí hội nghị	411.596.898	436.020.071	(24.423.173)	436.020.071
Chi phí bồi dưỡng độc hại	129.622.217	-	129.622.217	-
Chi phí sửa chữa bộ đàm	44.986.000	-	44.986.000	-
Dự phòng cho Transero Airline	585.273.263	585.273.263	-	134.143.443
Chi phí trích trước khác	71.318.753	-	71.318.753	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.291.289.130	1.189.785.334		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			101.503.796	690.163.514

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập Hội đồng Quản trị (*)	3.869.300.016	2.369.658.304
Thu nhập Ban Kiểm soát (**)	1.445.825.875	863.943.396
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng	22.507.449.401	12.111.800.100
TỔNG CỘNG	27.822.575.292	15.345.401.800

(*) Hội đồng quản trị gồm năm (5) thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách.

(**) Ban Kiểm soát gồm ba (3) thành viên và không có thành viên chuyên trách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ Mua tài sản cố định	9.241.259.712 39.433.156.794 2.237.173.925	6.907.364.327 24.477.849.313 -
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	133.433.325.246	135.958.514.991
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	24.876.990.680	25.012.331.517
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ	33.514.661.158 9.965.827	16.457.021.071
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Dịch vụ Hàng không	Bên liên quan	Góp vốn	11.470.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng Nam Việt	Bên liên quan	Góp vốn	3.720.000.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
				<i>VND</i>
Phải trả ngắn hạn người bán				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	5.758.897.126	4.242.584.369
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	23.077.115.926	23.903.479.266
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	3.230.205.449	5.345.572.044
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	3.020.656.800	6.385.931.436
			35.086.875.301	39.877.567.115

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	VND				
	<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	<i>CN Đà Nẵng</i>	<i>CN Cam Ranh</i>	<i>CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Doanh thu	664.913.028.596	122.071.135.804	89.580.826.914	-	876.564.991.314
Chi phí	<u>(504.830.267.850)</u>	<u>(97.324.498.588)</u>	<u>(61.518.347.134)</u>	-	<u>(663.673.113.572)</u>
Lợi nhuận bộ phận	<u>160.082.760.746</u>	<u>24.746.637.216</u>	<u>28.062.479.780</u>	-	<u>212.891.877.742</u>
Doanh thu hoạt động tài chính	5.343.537.708	140.147.260	469.780.503	-	5.953.465.471
Chi phí tài chính	(1.095.073.587)	(10.338.116)	(4.412.972)	-	(1.109.824.675)
Thu nhập khác	405.112.740	582.569	557	-	405.695.866
Chi phí khác	<u>(83.588.075)</u>	<u>(64.500.227)</u>	<u>(15.260.000)</u>	-	<u>(163.348.302)</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế	<u>164.652.749.533</u>	<u>24.812.528.702</u>	<u>28.512.587.868</u>	-	<u>217.977.866.102</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(33.780.148.964)	(4.976.644.214)	(5.706.518.806)	-	(44.463.311.984)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	690.163.514	-	-	-	690.163.514
Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>131.562.764.083</u>	<u>19.835.884.488</u>	<u>22.806.069.063</u>	-	<u>174.204.717.632</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:					
Tài sản bộ phận	473.044.242.803	24.386.690.453	42.795.099.705	-	<u>540.226.032.961</u>
Nợ phải trả bộ phận	140.011.394.491	20.242.151.205	27.877.998.615	-	<u>188.131.544.311</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND				
	Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Doanh thu	721.651.454.565	190.368.753.624	-	193.929.685.686	1.105.949.893.875
Chi phí	(550.294.453.692)	(141.755.357.052)	(10.890.877)	(129.113.083.484)	(821.173.785.105)
Lợi nhuận bộ phận	171.357.000.873	48.613.396.572	(10.890.877)	64.816.602.202	284.776.108.770
Doanh thu hoạt động tài chính	3.070.860.463	86.747.323	29.855.721	1.140.115.952	4.327.579.459
Chi phí tài chính	(1.048.533.776)	(54.288.663)	(15.313.924)	(20.129.400)	(1.138.265.763)
Thu nhập khác	185.781.134	171.662	185.940	140.535.961	326.674.697
Chi phí khác	(845.269)	(57.945)	(112.736)	(14.000.795)	(15.016.745)
Tổng lợi nhuận trước thuế	173.564.263.425	48.645.968.949	3.724.124	66.063.123.920	288.277.080.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(36.873.398.469)	(9.718.647.874)	(744.825)	(11.477.769.759)	(58.070.560.928)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	(18.935.816)	3.399.940	-	117.039.672	101.503.796
Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.671.929.140	38.930.721.015	2.979.299	54.702.393.833	230.308.023.286
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Tài sản bộ phận	564.036.268.197	40.129.839.845	(18.540.055.392)	112.465.794.619	698.091.847.269
Nợ phải trả bộ phận	145.677.226.613	25.774.825.905	-	32.439.742.060	203.891.794.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS, Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS và Hợp đồng số 23/HĐ/ACV-SAGS-CXR. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>37.144.783.541</u>	<u>37.144.783.541</u>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

26.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	
	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	77.896.488.448	3.436.104
Đô la Singapore (SGD)	4.132.140	244

26.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	
Đối tượng	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Cổ phần Hàng không Mekong	5.508.337.650	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi
Transaero Airline	2.926.366.316	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	Công ty đã phá sản không có khả năng thu hồi

Trong Quý 1 năm 2017, Công ty thực hiện xóa nợ phải thu khó đòi của các đối tượng nêu trên theo Quyết định số 190A/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

